

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832609] - Thực tập sản
(CCQ2218A)

CBGD: Đỗ Quang Huy (280022)

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Khuyến
Đỗ Quang Huy *N.Đ.Đ.Đ.Đ.* *Khuyến* *Đỗ Quang Huy* *N.Đ.Đ.Đ.Đ.*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B		<i>Kiệt</i>	7,5	7,5	7,5
2	2122180060	Trần Quốc	Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B		<i>Quốc</i>	7,0	7,0	7,0
3	2122180067	Võ Thành	Luân	29/03/2004	CCQ2218B					
4	2122180054	Trần Văn	Nam	03/08/2004	CCQ2218B		<i>Trần Văn</i>	8,5	8,5	8,5
5	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B		<i>Nguyễn Tấn</i>	6,5	6,5	6,5
6	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B		<i>Nhật</i>	7,8	7,8	7,8
7	2122180037	Phạm Văn	Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B		<i>Nhơn</i>	6,8	6,8	6,8
8	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B		<i>Quang</i>	8,2	8,2	8,2
9	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B		<i>Thế</i>	8,3	8,3	8,3
10	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Thiên</i>	8,5	8,5	8,5
11	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B		<i>Thiện</i>	7,8	7,8	7,8
12	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B		<i>Thiệt</i>	8,5	8,5	8,5
13	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	8,6	8,6	8,6
14	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	7,0	7,0	7,0
15	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B		<i>Tiến</i>	8,5	8,5	8,5
16	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B		<i>Tính</i>	8,0	8,0	8,0
17	2122180063	Trần Quốc	Tính	17/08/2004	CCQ2218B		<i>Tính</i>	8,5	8,5	8,5
18	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B		<i>Trung</i>	7,5	7,5	7,5
19	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		<i>Tuấn</i>	8,5	8,5	8,5
20	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B		<i>Vương</i>	8,2	8,2	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22832608] - Thực tập sầy
(CCQ2218A)

CBGD: Đỗ Quang Huy (280022)

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

Thuy
Đỗ Quang Huy
Thuy
Đỗ Quang Huy
Non
Non

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180068	Nguyễn Thái	Bão	26/02/2004	CCQ2218B		<i>Bão</i>	7,5	7,5	7,5
2	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B		<i>Đông</i>	9,0	9,0	9,0
3	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B		<i>Dương</i>	5,7	5,7	5,7
4	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B		<i>Gia</i>	8,5	8,5	8,5
5	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B		<i>Giang</i>	7,8	7,8	7,8
6	2122180061	Lê Duy	Hòa	04/02/2004	CCQ2218B					
7	2122180065	Nguyễn Nhật	Huy	26/11/2003	CCQ2218B		<i>Huy</i>	7,3	7,3	7,3
8	2122180040	Phạm Đăng	Khoa	23/06/2004	CCQ2218B					
9	2122180041	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/2004	CCQ2218B		<i>Khôi</i>	9,0	9,0	9,0
10	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B		<i>Kiên</i>	7,0	7,0	7,0
11	2122180019	Võ Quang	Thắng	10/04/2004	CCQ2218A					
12	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A		<i>Thế</i>	7,0	7,0	7,0
13	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		<i>Toàn</i>	7,8	7,8	7,8
14	2122180015	Châu Minh	Trí	25/08/2004	CCQ2218A					
15	2122180023	Nguyễn Quốc	Trường	21/01/2004	CCQ2218A					
16	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		<i>Truyền</i>	7,7	7,7	7,7
17	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A		<i>Tú</i>	8,7	8,7	8,7
18	2122180017	Nguyễn Ngọc	Trường	11/09/2004	CCQ2218A					
19	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A		<i>Văn</i>	8,0	8,0	8,0
20	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		<i>Vạn</i>	7,2	7,2	7,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22832606] - Thực tập sản
(CCQ2218A)

CBGD: Đỗ Quang Huy (280022)

Số SV có mặt: 19....

Số bài thi:19....

Số tờ giấy thi: 19..

Thuy
Đỗ Quang Huy
Nam

Thuy
Đỗ Quang Huy
Nam

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180006	Cao Ngọc Cường	21/04/2003	CCQ2218A		<i>Cao</i>	8,3	8,3	8,3
2	2122180027	Nguyễn Ngọc Đại	02/07/2004	CCQ2218A		<i>Đại</i>	6,0	6,0	6,0
3	2122180021	Lê Hoàng Phúc Hậu	19/03/2004	CCQ2218A		<i>Hậu</i>	7,5	7,5	7,5
4	2122180008	Nguyễn Xuân Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A		<i>hiệp</i>	8,3	8,3	8,3
5	2122180016	Huỳnh Bảo Hưng	17/09/2004	CCQ2218A		<i>H</i>	8,8	8,8	8,8
6	2122180020	Nguyễn Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A		<i>huỳnh</i>	7,5	7,5	7,5
7	2122180034	Nguyễn Thái Khênh	29/08/2003	CCQ2218A		<i>Khênh</i>	7,8	7,8	7,8
8	2122180012	Phạm Minh Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A		<i>Kiệt</i>	7,0	7,0	7,0
9	2122180004	Nguyễn Khánh Linh	03/07/2004	CCQ2218A		<i>Linh</i>	6,8	6,8	6,8
10	2122180007	Đinh Nguyễn Thành Long	10/11/2004	CCQ2218A		<i>Theng</i>	5,5	5,5	5,5
11	2122180024	Ngô Hoài Nam	23/06/2004	CCQ2218A					
12	2122180002	Nguyễn Phương Nam	18/06/2003	CCQ2218A		<i>Nam</i>	9,0	9,0	9,0
13	2122180013	Nguyễn Văn Nghia	27/05/2004	CCQ2218A		<i>ngĩa</i>	7,3	7,3	7,3
14	2122180025	Nguyễn Trung Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A		<i>Nhu</i>	8,5	8,5	8,5
15	2122180003	Nguyễn Minh Nhật	28/10/2004	CCQ2218A		<i>nhật</i>	8,5	8,5	8,5
16	2122180028	Nguyễn Dương Tấn Phát	05/02/2004	CCQ2218A		<i>Phat</i>	7,3	7,3	7,3
17	2122180032	Thái Đức Phong	09/04/2004	CCQ2218A		<i>Phong</i>	6,0	6,0	6,0
18	2122180014	Trần Thanh Phong	17/03/2004	CCQ2218A		<i>phong</i>	8,5	8,5	8,5
19	2122180009	Phạm Tấn Sinh	15/07/2004	CCQ2218A		<i>Sinh</i>	7,5	7,5	7,5
20	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật Tân	15/10/2000	CCQ2218A		<i>Tan</i>	7,5	7,5	7,5